

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 7/2024

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
I	Lãnh đạo Sở														
1	Vũ Văn Kiên	GD Sở	568	451 nhiệm vụ trước hạn (79.40%); 117 nhiệm vụ đúng hạn (20.60%)											
2	Cù Trọng Khang	PGD Sở	190	133 nhiệm vụ trước hạn (70%); 57 nhiệm vụ đúng hạn (30%)										92 ¹	A
3	Nguyễn Thị Tươi	PGD Sở	188	165 nhiệm vụ trước hạn (88.77%);23 nhiệm vụ đúng hạn (12.23%)										94 ²	A
4	Nguyễn Thị Thiều Hương	PGD Sở	190	153 nhiệm vụ trước hạn (80.53%); 37 nhiệm vụ đúng hạn (19.47%)										88	B
II	Phòng Xây dựng chính quyền		61	8	3	5	0	0	53	41	12	0		B	
				44 nhiệm vụ trước hạn (72.13%); 17 nhiệm vụ đúng hạn (27.87%)											
1	Trần Hưng	TP	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B	
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

¹ Được thưởng 04 điểm do có 01 ý tưởng đổi mới, sáng tạo thuộc đơn vị phụ trách là sản phẩm cấp trên ban hành.
² Được thưởng 06 điểm do có 02 ý tưởng đổi mới, sáng tạo thuộc đơn vị phụ trách (01 ý tưởng cấp trên ban hành thường 04 điểm, 01 ý tưởng Sở ban hành thường 02 điểm)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Hoàng Minh Hiền	PTP	5	3	2	1	0	0	2	2	0	0	88	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (80%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (20%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Vũ Thị Duyên	PTP	15	2	0	2	0	0	13	11	2	0	88	B
				11 nhiệm vụ trước hạn (73.33%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (26.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Vương Thị Ngọc	CV	9	1	0	1	0	0	8	4	4	0	88	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (44.44%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (55.56%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phan Thị Diễm	CV	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	88	B
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Thu Trang	CV	6	0	0	0	0	0	6	4	2	0	88	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Lê Thị Hải Anh	CV	15	0	0	0	0	0	15	10	5	0	88	B
				10 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
III	Phòng Tổ chức, biên chế		85	8	7	1	0	0	77	52	25	0		B
59 nhiệm vụ trước hạn (69.41%); 26 nhiệm vụ đúng hạn (30.59%)														
1	Bùi Xuân Hiếu	TP	2	1	0	1	0	0	1	1	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Đào Thị Thu Trang	PTP	16	2	2	0	0	0	14	7	7	0	88	B
				9 nhiệm vụ trước hạn (56.25%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (43.75%) ; 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Nguyễn Anh Tuấn	PTP	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	80	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Anh	CV	10	1	1	0	0	0	9	6	3	0	88	B
				7 nhiệm vụ trước hạn (70%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (30%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Nguyễn Thị Luyến	CV	18	1	1	0	0	0	17	13	4	0	88	B
				14 nhiệm vụ trước hạn (77.78%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (22.22%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Mai Quỳnh Nga	CV	15	1	1	0	0	0	14	11	3	0	88	B
				12 nhiệm vụ trước hạn (80%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (20%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Hoàng Thị Bích Ngọc	CV	12	1	1	0	0	0	11	7	4	0	88	B
				8 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Lê Thị Yến	CV	9	1	1	0	0	0	8	4	4	0	88	B
				5 nhiệm vụ trước hạn (55.56%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (44.44%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Đỗ Thị Phương	CV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
IV	Phòng Công chức, viên chức		91	7	6	1	0	0	84	69	15	0		A
				75 nhiệm vụ trước hạn (82.42%); 16 nhiệm vụ đúng hạn (17.58%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Vũ Trường Giang	TP	4	2	1	1	0	0	2	2	0	0	92 ³	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³ Được thưởng 04 điểm do có 01 ý tưởng đổi mới, sáng tạo của phòng là sản phẩm của cấp trên ban hành.

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Phạm Thị Ngoan	PTP	8	1	1	0	0	0	7	6	1	0	88	B
				7 nhiệm vụ trước hạn (87.5%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (12.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Phạm Văn Tùng	PTP	12	2	2	0	0	0	10	10	0	0	84	B
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Hải Yến	CV	39	0	0	0	0	0	39	31	8	0	96 ⁴	A
				31 nhiệm vụ trước hạn (79.49%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (20.51%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Trần Thị Kim Tuyến	CV	11	1	1	0	0	0	10	6	4	0	88	B
				7 nhiệm vụ trước hạn (63.64%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (36.36%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Dương	CV	17	1	1	0	0	0	16	14	2	0	88	B
				15 nhiệm vụ trước hạn (88.24%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (11.76%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴ Được thưởng 08 điểm do có 01 ý tưởng đổi mới, sáng tạo là sản phẩm của cấp trên ban hành.

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
V	Phòng CCHC-VTLT		49	8	7	1	0	0	41	41	0	0		B
				48 nhiệm vụ trước hạn (97.96%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (2.04%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Hoàng Xuân Chính	TP	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Trần Anh Dũng	PTP	13	2	2	0	0	0	11	11	0	0	88	B
				13 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đoàn Minh Sang	CV	4	1	1	0	0	0	3	3	0	0	88	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Kim Tuyến	CV	12	1	1	0	0	0	11	11	0	0	88	B
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Trần Thị Hồng Anh	CV	11	2	2	0	0	0	9	9	0	0	88	B
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Trần Thị Lan Phương	CV	8	2	1	1	0	0	6	6	0	0	88	B
7 nhiệm vụ trước hạn (87.5%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (12.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
VI	Thanh tra Sở		44	8	7	1	0	0	36	36	0	0		A
				43 nhiệm vụ trước hạn (97.73%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (2.27%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Lương Thị Phương Chi	CTT	8	3	3	0	0	0	5	5	0	0	92 ⁵	A
				8 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Vũ Quốc Khánh	PCTT	11	3	2	1	0	0	8	8	0	0	88	B
				10 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Phan Thu Trang	TTV	7	1	1	0	0	0	6	6	0	0	96 ⁶	A
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵ Được thưởng 04 điểm do có 01 ý tưởng đổi mới, sáng tạo của phòng là sản phẩm của cấp trên ban hành.

⁶ Được thưởng 08 điểm do có 01 ý tưởng đổi mới, sáng tạo là sản phẩm của cấp trên ban hành.

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Bùi Trung Kiên	TTV	17	1	1	0	0	0	16	16	0	0	88	B
				17 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Hoàng Thị Thùy Dung	CV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VII	Phòng Tín ngưỡng - Tôn giáo		62	5	5	0	0	0	57	41	16	0		B
				46 nhiệm vụ trước hạn (74.19%); 16 nhiệm vụ đúng hạn (25.81%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Thị Lý	TP	5	1	1	0	0	0	4	1	3	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (40%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (60%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Mai Thị Hồng Huệ	PTP	9	2	2	0	0	0	7	6	1	0	88	B
				8 nhiệm vụ trước hạn (88.89%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (11.11%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Vũ Thị Tân	CV	10	0	0	0	0	0	10	9	1	0	88	B
				9 nhiệm vụ trước hạn (90%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (10%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Nguyễn Văn Bằng	CV	18	0	0	0	0	0	18	14	4	0	88	B
				14 nhiệm vụ trước hạn (77.78%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (22.22%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phạm Thu Huyền	CV	20	2	2	0	0	0	18	11	7	0	88	B
				13 nhiệm vụ trước hạn (65%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (35%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VIII	Văn phòng		51	9	4	5	0	0	42	38	4	0		B
				42 nhiệm vụ trước hạn (82.35%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (16.65%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Nguyễn Bá Hoàng	PCVP	10	1	0	1	0	0	9	9	0	0	88	B
				9 nhiệm vụ trước hạn (90%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (10%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Chu Bình Mích	CV	14	2	1	1	0	0	12	9	3	0	88	B
				10 nhiệm vụ trước hạn (71.43%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (28.57%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Phạm Thị Hà Mi	CV	15	5	3	2	0	0	10	9	1	0	88	B
				12 nhiệm vụ trước hạn (80%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (20%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Mai Hồng Quân	CV	3	1	0	1	0	0	2	2	0	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Vũ Thị Sang	CS	4	0	0	0	0	0	4	4	0	0	88	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Lê Xuân Tình	NV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				Chuẩn bị các điều kiện đưa đón Lãnh đạo Sở đảm bảo an toàn đúng giờ. Tổng số: 30 cuộc, trong đó: 06 cuộc ngoài tỉnh . 07 cuộc huyện, thị xã, 17 cuộc nội thành										
7	Quách Hồng Thuận	NV	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	88	B
				Chuẩn bị các điều kiện đưa đón Lãnh đạo Sở đảm bảo an toàn đúng giờ. Tổng số: 24 cuộc, trong đó: 03 cuộc ngoài tỉnh . 05 cuộc huyện, thị xã, 16 cuộc nội thành; chăm sóc cây xanh cơ quan.										
8	Hoàng Thị Thanh Mai	NV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				Chuẩn bị các điều kiện phục vụ 3 cuộc họp; phòng làm việc Lãnh đạo Sở										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
9	Lê Thị Thu Hà	NV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B	
				Chuẩn bị các điều kiện phục vụ 18 cuộc họp; phòng làm việc Lãnh đạo Sở											
IX	Ban Thi đua - Khen thưởng		83	7	5	2	0	0	76	73	3	0		A	
				78 nhiệm vụ trước hạn (93.98%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (6.02%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Nguyễn Đình Tuệ	TB	4	2	1	1	0	0	2	2	0	0	88	B	
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Đỗ Thị Yên	PTB	11	1	1	0	0	0	10	10	0	0	88	B	
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Quách Thị Lan Phương	PTB	14	2	1	1	0	0	12	12	0	0	92 ⁷	A	
				13 nhiệm vụ trước hạn (92.86%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.14%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
4	Nguyễn Thị Hồng Dung	CV	7	0	0	0	0	0	7	7	0	0	88	B	
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

⁷ Được thưởng 04 điểm do có 01 ý tưởng đổi mới, sáng tạo là sản phẩm của Sở ban hành.

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
11	Nguyễn Thị Hương	CV	4	1	1	0	0	0	3	3	0	0	88	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Đỗ Ngọc Phú	NV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
X	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		53	5	5	0	0	0	48	21	27	0		B
				26 nhiệm vụ trước hạn (49.06%); 27 nhiệm vụ đúng hạn (50.94%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trương Văn Toàn	GD TT	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Bùi Thị Thu Hà	PGD TT	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0	88	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đinh Thị Ngọc Tân	PGD TT	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	88	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
	Phòng HC-TH		34	0	0	0	0	0	34	13	21	0		B
				13 nhiệm vụ trước hạn (38.24%); 21 nhiệm vụ đúng hạn (61.76%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Viết Hòa	VC	11	0	0	0	0	0	11	6	5	0	88	B
				6 nhiệm vụ trước hạn (54.55%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (45.45%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Đinh Thị Thùy Giang	VC	6	0	0	0	0	0	6	1	5	0	80	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (16.67%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (83.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Trường Thịnh	VC	3	0	0	0	0	0	3	1	2	0	80	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Đoàn Thị Trà Giang	VC	5	0	0	0	0	0	5	1	4	0	80	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (20%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (80%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đỗ Văn Tiến	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
9	Nguyễn Thị Dinh	NV	4	0	0	0	0	0	4	1	3	0	80	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (25%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (75%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Đoàn Văn Sáng	NV	4	0	0	0	0	0	4	3	1	0	80	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
Phòng Nghiệp vụ lưu trữ			11	0	0	0	0	0	11	5	6	0		B
				5 nhiệm vụ trước hạn (45.45%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (54.55%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Lương Lê Thành	VC	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
12	Nguyễn Thị Hiếu	VC	4	0	0	0	0	0	4	2	2	0	84	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (50%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Nguyễn Thị Hằng	VC	5	0	0	0	0	0	5	3	2	0	84	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (60%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (40%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										